

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 101/2020/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 12 năm 2020 về việc: “ ly hôn, tranh chấp về nuôi con ” giữa:

Nguyên đơn: anh Triệu Tạ Cten gọi khác là Triệu Tạ C. Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện H, tỉnh H.

Bị đơn: chị Triệu Mùi C. Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện H, tỉnh H

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 - Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 24, khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh Triệu Tạ Cten gọi khác là Triệu Tạ C và chị Triệu Mùi C

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: anh C và chị C có con chung tên là Triệu Mùi M; sinh ngày 25/12/2004 và cháu Triệu Mềnh C; sinh ngày 26/8/2006. Khi ly hôn, chị C là người trực tiếp nuôi cháu M. Anh C là người trực tiếp nuôi cháu C cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm non con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, vì quyền lợi của con chung sau này một hoặc hai bên có quyền yêu cầu

thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.2 Về tài sản chung, công nợ chung:

Về tài sản chung, công nợ chung: anh C và chị C không yêu cầu giải quyết, anh C và chị C đã tự thỏa thuận xong nhưng có đề nghị Tòa án công nhận vào quyết định phân tài sản cụ thể như sau: Anh Triệu Tạ C được quyền sở hữu toàn bộ tài sản chung của vợ chồng gồm một ngôi nhà bê tông dựng tại đất của bố mẹ anh C tại Thôn G, xã T, huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang và các tài sản khác là 02(hai) con trâu cái to và 5(năm) con lợn, 20 (hai mươi) con gà. Anh Triệu Tạ C phải thanh toán cho chị Triệu Mùi C phần tài sản chị C được nhận cụ thể là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) được chia làm ba lần:

Lần 1: Thời hạn thanh toán vào ngày 20/01/2021, anh C phải thanh toán cho chị C 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Lần 2: Thời hạn thanh toán vào ngày 30/6/2021, anh C phải thanh toán cho chị C 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng)

Lần 3: Thời hạn thanh toán vào ngày 30/12/2021, anh C phải thanh toán cho chị C 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng)

3. Về án phí: anh C tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoàng Su Phì biên lai số 04388, ngày 30/11/2020. Anh Triệu Tạ C tên gọi khác là Triệu Tạ C được trả lại 150.000,đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chênh lệch.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện HSP;
- THADS huyện HSP;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

đã ký

Nguyễn Minh Phương

